

Tất cả các trường phái triết học trước Mác cũng như phi Macxit nói chung đều hoàn toàn xa lạ với phạm trù PTSX (phương thức sản xuất) do Mác - Ăngghen nêu ra với tư cách “chiếc chìa khóa” tuyệt đối cần thiết để “mở cửa” đi vào các hiện tượng xã hội một cách chủ động và ít sai lầm nhất.

Thực chất của “chiếc chìa khóa” triết học đó là sự thống nhất biện chứng giữa QHSX (quan hệ sản xuất) với LLSX (lực lượng sản xuất) như thống nhất giữa hai mặt đối lập tạo nên chính thể của nền sản xuất xã hội. Trong *Hệ tư tưởng Đức* (1846), lần đầu tiên, Mác - Ăngghen hình dung sự thống nhất đó như một “quan hệ song trùng” giữa hai “sự trao đổi chất” tất yếu và phổ biến ở mọi nền sản xuất xã hội - đó là “trao đổi chất giữa người với tự nhiên (tức LLSX) và giữa người với người trong sản xuất (tức QHSX)”.

Tác động qua lại biện chứng giữa LLSX với QHSX được Mác - Ăngghen khái quát thành qui luật về sự phù hợp giữa QHSX với trình độ, tính

xã hội học Macxit nói chung, cho phép hình dung quá trình phát triển của lịch sử là một quá trình lịch sử tự nhiên. Và cũng vì thế, sự ra đời của triết học Mác xứng đáng được đánh giá là “bước ngoặt cách mạng” trong lịch sử triết học, là chính xác như “tự nhiên học”, như “sinh vật học” hay “địa tầng học”. Hơn nữa, như khẳng định của Lênin, nhờ hai phát kiến vĩ đại của Mác là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và học thuyết giá trị thặng dư, chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đã thực sự chuyển thành khoa học. Theo đó, sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là đấu tranh để giải phóng triệt để LLSX khỏi trật tự tư sản, xây dựng trật tự XHCN và CSCN như là địa bàn phát triển tối ưu cho LLSX nói chung và tự do cá nhân của người lao động nói riêng.

Thuộc phạm trù của LLSX và vận động không ngoài biện chứng nội tại của PTSX, vấn đề CNH (công nghiệp hóa) và ngày nay gắn chặt với HĐH (hiện đại hóa) trước hết phải được xem xét từ tư duy triết học Macxit, chứ không thể từ tư duy kinh tế hay một tư duy nào khác. Với góc độ lý luận và phương pháp luận này,

lịch sử và logic CNH hơn 200 năm qua của loài người được ghi nhận không ngoài hai kiểu (hai đường lối) CNH trái ngược nhau về bản chất giai cấp cùng với những loại hình có thể có mỗi kiểu-không có kiểu thứ ba.

Đầu tiên là kiểu CNH diễn ra trong giới hạn chi phối hay thống trị của QHSX TBCN mà nền tảng là sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, triển khai từ nửa cuối thế kỷ XVIII ở Anh tiếp sau giai đoạn công trường thủ công. “Cột mốc thành công 1825 của nó cũng chính là thời điểm bùng nổ cuộc khủng hoảng đầu tiên không tránh khỏi của PTSX và trao đổi TBCN. Lịch sử CNH - và ngày nay gắn chặt với HĐH - trong khuôn khổ trật tự tư sản suốt 170 năm qua gần liền với khủng hoảng như hình với bóng dưới mọi hình thức từ khủng hoảng chu kỳ đến không chu kỳ, tri trệ, lạm phát, thất nghiệp, khủng hoảng sinh thái cùng với những khủng hoảng ở thượng tầng kiến trúc” (1).

Các QHSX, như Ăngghen chỉ rõ, biểu hiện ra thành các quan hệ lợi ích. Vì vậy, một mặt, CNH và cả HĐH TBCN ngày càng làm chín muồi cơ sở vật chất - kỹ thuật cho CNXH, thậm chí, cho CNCS, nhưng mặt khác, tiến trình đó cũng đồng thời ngày càng làm sâu sắc và gay gắt các đối kháng và xung đột tất yếu bên trong của trật tự tư sản, tức giữa vô sản và tư sản, cũng như giữa các quốc gia tư sản và giữa các đế quốc với thuộc địa (dù cũ hay mới).

Không cần phải phản biện đối với bất cứ mưu toan nào muốn phủ nhận những trang đầy máu và nước mắt của tiến trình CNH - HĐH TBCN mà cứu cánh không gì khác hơn là các đặc quyền đặc lợi của một dóm các nhà tư bản hay một dóm các đế quốc thực dân. Song, vấn đề sẽ trở nên thực sự bổ ích nếu biết rút ra từ tiến trình khách quan đó những kết luận bổ ích về lý luận và phương pháp luận góp phần soi sáng sự nghiệp CNH - HĐH theo định hướng XHCN hôm nay.

Một trong những kết luận như vậy là triết lý đặc sắc của Mác - Ăngghen nêu lên trong *Tuyên ngôn Đảng cộng sản* (1848) rằng: “Giai cấp tư sản không thể tồn tại nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những QHSX, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội” (2).

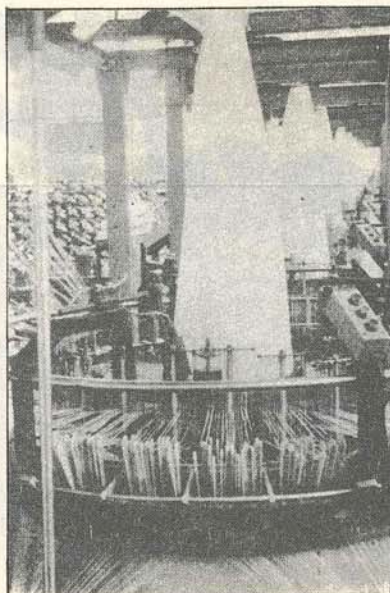
Rõ ràng triết lý về lý do tồn tại của trật tự tư sản khác hẳn so với tất cả các trật tự xã hội tiền tư sản. Chẳng hạn, bản chất trật tự phong kiến đòi hỏi sự phù hợp căn bản ở trạng thái tĩnh giữa QHSX với LLSX trong tổng thể cấu trúc: công cụ thủ công - sở hữu lớn về ruộng đất của

CÔNG NGHIỆP HÓA NHÌN TỪ BIỆN CHỨNG GIỮA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ QUAN HỆ SẢN XUẤT

PTS. LƯU HÀ VĨ

chất và nhu cầu phát triển của LLSX. Chiến công triết học bất hủ này là giá đỡ vững chắc cho hai ông vươn lên đỉnh cao của trí tuệ nhân loại không chỉ trên bình diện triết học mà cả chính trị kinh tế học và chủ nghĩa cộng sản khoa học. Dưới những hình thức và mức độ khác nhau, và dù con người có ý thức được hay không, thì qui luật cốt lõi này vẫn như “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt dòng chảy tiến hóa của lịch sử không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà cả các lĩnh vực ngoài kinh tế, phi kinh tế. Không thể hình dung ai đó chối bỏ qui luật “thép” này của lịch sử lại tự nhận mình đã kinh qua vỡ lòng triết học Macxit. Công khai thừa nhận qui luật này là ranh giới đầu tiên phân định lập trường duy vật với duy tâm về xã hội dưới mọi bản sắc.

Với biện chứng giữa LLSX và QHSX, Mác - Ăngghen đã xây dựng nên học thuyết hình thái kinh tế - xã hội với tư cách là “hòn đá tảng” của



phong kiến - kinh tế hiện vật, tự cung tự cấp, khép kín - kiến trúc thượng tầng chuyên chế và hà khắc về ý thức xã hội và các thiết chế tương ứng. Trái lại, liên tục đột phá vào tất cả các yếu tố hợp thành của cấu trúc đó, giai cấp tư sản đã từng bước thiết lập trật tự sản xuất và trao đổi của mình nói riêng cùng với toàn bộ tòa nhà tư sản nói chung cả trước và sau cách mạng chính trị tư sản. Điển hình cho tiến trình đó là ba giai đoạn phát triển hợp quy luật của CNTB ở Anh mà Mác đã trình bày trong bộ "Tư bản": Hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và CNH.

Biện chứng giữa LLSX và QHSX ở trạng thái động như vậy đã tiếp tục mở đường cho sự phát triển của CNTB hiện đại ở cả thế kỷ XX và chắc chắn kéo sang thế kỷ XXI - vượt cả dự kiến của Mác - Ăngghen lẫn Lênin. Tác động cùng chiều với xu hướng đó đương nhiên còn có cả một loạt các nhân tố khác như:

- Các khoản siêu lợi nhuận hay lợi nhuận bình phương mà CNTB "trung tâm" thu được ở vùng "ngoại vi" ở Á - Phi - Mỹ la tinh.

- Cách mạng khoa học - kỹ thuật được khai thác vừa đem lại lợi nhuận khổng lồ cho tư bản, vừa cải thiện đáng kể đời sống công nhân.

- Những tiêu cực kéo dài và khó khắc phục của phong trào công nhân trước những cải cách khả dĩ và những thủ đoạn thao túng khác từ phía giai cấp tư sản.

- Sự trưởng thành vượt bậc của CNXH hiện thực ở Liên Xô trước Đại chiến II và của hệ thống CNXH thế giới sau Đại chiến II, cùng với cuộc đấu tranh trực diện của các lực lượng dân chủ và tiến bộ ngay tại sào huyệt CNTB buộc nó phải thực hiện những điều chỉnh nhất định để đối phó.

- Chiến tranh và chạy đua chiến tranh cũng là nguồn kích thích trực tiếp và to lớn đối với tiến bộ khoa học và công nghệ v.v...

Tác động tổng hợp của các nhân tố như vậy càng làm đậm nét trạng thái động trong biện chứng giữa LLSX và QHSX của CNTB hiện đại. Và, sẽ là siêu hình nếu đồng nhất một cách máy móc tính chất lỗi thời, tiêu cực hay phản động của CNTB hiện đại với vai trò của nó trong sản xuất và trao đổi, trong CNH và HDH. Nói cách khác, chừng nào nỗ lực chủ quan của phong trào Cộng sản và công nhân chưa phát triển chín muồi tới mức thiết lập được một nền chuyên chính cho đa số trên qui mô rộng lớn của thế giới thì cách tiếp cận CNXH không chỉ đơn thuần từ chính diện bản thân thực tiễn xây dựng CNXH dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản cầm quyền, mà còn từ cả phía đối lập như hình dung đầy ấn tượng của

Lênin: CNXH đang nhìn sang chúng ta từ tất cả những ô cửa của CNTB hiện đại.

Nổi bật trong số "những ô cửa" đó, theo Lênin, chính là CNTB nhà nước (mà hình thức cao nhất là CNTB độc quyền nhà nước) - sản phẩm tất yếu của sự kết hợp giữa người đại diện cho thượng tầng kiến trúc là nhà nước với các nhà tư bản trực tiếp đại diện cho hạ tầng cơ sở trước sự phát triển vượt bậc của CNH đầu thế kỷ. Phải biện chứng như Lênin mới nhận ra ở đó một "bước tiến tới CNXH", "phòng chờ của CNXH", "sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho CNXH" và giữa nó với CNXH "không có bức tường nào ngăn cách"...

Từ nửa sau thế kỷ XX, loài người đón nhận giai đoạn mới nhất của cách mạng khoa học kỹ thuật mà nhà tương lai học Mỹ Alvin Toffler đã phân tích sâu sắc. Ông gọi đó là "làn sóng văn minh thứ ba" với tư cách làn sóng văn minh cuối cùng nối tiếp hai làn sóng từng trải trong lịch sử là văn minh nông nghiệp mấy nghìn năm và văn minh công nghiệp hơn 200 năm. Nó triển khai đầu tiên ở Mỹ từ giữa thập niên 50, lan tới Tây Âu giữa thập niên 70, và ngày nay lan tới khắp các châu lục, các quốc gia, thậm chí xâm nhập vào cả thế giới đồ chơi trẻ em.

Một cuộc lột xác chưa từng có từ chiều sâu của LLSX như vậy, cùng với thế cân bằng chiến lược đạt được giữa hai khối Vacsava và NATO ở tầm hủy diệt hạt nhân, cùng với sự phá sản thảm hại của mưu toan xuất khẩu phân cách mạng từ đế quốc Mỹ trong cuộc đổ sức quốc tế lớn nhất sau Đại chiến II ở VN - cả "bộ ba sự kiện" tầm cỡ đó đều cùng diễn ra vào giữa thập niên 70 - đã làm nảy sinh hàng loạt những xu hướng và nhu cầu lịch sử mới, những thời cơ và thách thức mới. Thực tế đó đòi hỏi mọi quốc gia - không phân biệt chế độ chính trị và trình độ phát triển - phải tổng điều chỉnh cả tư duy và hành động của mình để tồn tại, hơn nữa, để phát triển.

CNTB hiện đại từ đầu thập niên 80 đã tỏ ra nhạy cảm hơn CNXH hiện thực trong cuộc tổng điều chỉnh lịch sử này. Sau nửa thập niên "khủng hoảng cơ cấu" - mà "khủng hoảng đầu mô" chỉ là một lý do trực tiếp - LLSX của CNTB hiện đại được điều chỉnh mạnh mẽ và khẩn trương theo hướng chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu để thích ứng với cơ cấu công nghệ HDH và cục diện cạnh tranh mới. Hàng loạt những cải biến tích cực - dù không vượt khỏi trật tự tư sản - đã diễn ra trong lĩnh vực QHSX và trao đổi cũng như trong kiến trúc thượng tầng. Hàng chục triệu công nhân và người lao động nói chung có cổ phần (dù giá trị tuyệt đối vô cùng

ít ỏi so với giới chủ), các cải cách dân chủ hóa trong quản lý doanh nghiệp và quản lý xã hội, mở rộng hệ thống phúc lợi xã hội, quá trình quốc tế hóa được đẩy mạnh qua hệ thống các tập đoàn tư bản độc quyền xuyên quốc gia và đa quốc gia, qua các chương trình khu vực hóa (mà châu Âu là điển hình) v.v... Tất cả những sự kiện đó một lần nữa minh chứng cho tính năng động của giai cấp tư sản hiện đại làm cho QHSX và trao đổi của họ chưa cạn kiệt sức sống, và còn địa bàn khả dĩ cho CNH và HDH triển khai tiếp tục.

Song, cũng sẽ là ảo tưởng nếu mù quáng cường điệu những cải biến tích cực đó của CNTB hiện đại đến mức tuyên bố rằng QHSX và trật tự tư sản nói chung là những giá trị vĩnh hằng; xin được trích lại một vài đoạn trong bài viết của tôi trên T/C Cộng sản số 18.9.1996: "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhìn từ khía cạnh giai cấp" để làm rõ điều đó (3): "...ở các nước phát triển, tiến trình HDH (mà tốc độ tăng trưởng là chỉ số tiêu biểu) ngày càng chậm lại, hoàn toàn tương phản với khối lượng các phát minh khoa học - công nghệ tăng lên như vũ bão trong thời đại bùng nổ thông tin. Và, cứ 24 tiếng đồng hồ, hàng nghìn tỷ USD nhảy múa như trò ảo thuật qua lại trên các máy vi tính, trên các hệ thống viễn thông giữa các ngân hàng tư bản ketch sù trên thế giới, để rồi chỉ có đám ba phần trăm giá trị khổng lồ đó đầu tư vào sản xuất: cả môi trường sinh thái lẫn môi trường xã hội vẫn tiếp tục bị tha hóa... Chỉ đơn cử vài ba trong số vô vàn bi kịch nghịch lý ở ngay trung tâm của CNTB hiện đại đó cũng đủ thấy rõ sự lỗi thời mang tính lịch sử thế giới của nó. Còn ở "ngoại vi"? CNH kết hợp không ngoan với HDH tạo nên các cơn rùng rợn châu Á là các hiện tượng có thật, nhưng là cục bộ! Biết bao giờ cả "thế giới thứ ba" mệnh mông, lạc hậu, nung nấu chống chọi, bùng nổ dân số, xung đột triển miên về tôn giáo và sắc tộc, và tuyệt đại đa số theo con đường TBCN hóa thành rồng?

Vì vậy, nhìn tổng quát, CNH - HDH TBCN từ trong bản chất của nó, đã và sẽ không bao giờ dẫn tới CNXH vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Mô hình "CNXH dân chủ" cũng đã và sẽ không bao giờ vượt khỏi cương lĩnh của các chính đảng tư sản dù tên gọi của nó thế nào. Mô hình đó đang phá sản cả về lý luận lẫn chính trị - thực tiễn. Tóm lại, CNH - HDH TBCN không thể diễn ra lâu bền và lành mạnh trong giới hạn chật hẹp của chế độ sở hữu tư nhân và pháp quyền tư sản nói chung. Khẳng định của GS, TS Vũ Đình Cự rằng "trí tuệ mâu thuẫn với tư hữu" (4) hoàn toàn phù hợp với kết luận

bao trùm đó.

Sau Cách mạng tháng Mười, lịch sử biết tới kiểu CNH theo con đường XHCN với biết bao thăng trầm trong điều kiện Đảng cộng sản cầm quyền.

Nếu không kể mô hình cộng sản thời chiến áp dụng tạm thời 3 năm sau Cách mạng tháng Mười và bùng nổ khủng hoảng vào mùa xuân 1921 thì lịch sử CNXH hiện thực ghi nhận hai loại hình công nghiệp hóa khác hẳn nhau về phương thức tiến hành xét từ góc độ QHSX.

Loại hình thứ nhất gắn liền với NEP (chính sách kinh tế mới) do Lenin khởi xướng từ Đại hội X Đảng Bolshevik Nga (tháng 3.1921). Xuất phát từ thực trạng LLSX của đất nước vừa lạc hậu vừa không đều về trình độ, Lenin không hề coi NEP là một giải pháp tình thế chỉ nhằm thoát khỏi khủng hoảng do chiến tranh cộng với mô hình công sản thời chiến đưa tới. Trái lại, ông coi NEP như một đường lối phát triển chiến lược cấu thành nội dung cơ bản của học thuyết quá độ phi tư bản lên CNXH. NEP chính là địa bàn tối ưu để phát triển LLSX là trao đổi - mà CNH là vấn đề then chốt - trên cơ sở các hình thức sở hữu đa dạng cùng với các thành phần kinh tế tương ứng, ngoại trừ thành phần kinh tế gia trưởng quá ư lạc hậu cần khắc phục càng sớm càng tốt.

Chỉ có địa bàn NEP mới đảm bảo sự phù hợp trên thực tế giữa các kiểu QHSX chưa cạn kiệt sức sống - mặc dù có thể đối lập nhau về bản chất - với thực trạng LLSX đương thời, trong đó cốt lõi là lợi ích vật chất các cá nhân được kích thích hợp lý cả đối với quảng đại quần chúng lao động lẫn các nhà tư sản, đặc biệt là lực lượng chuyên gia của họ. NEP hoàn toàn xa lạ với phái "tả" của những người cộng sản muốn "phủ định sạch trơn quá khứ", mưu toan xây dựng trật tự xã hội mới từ "bàn tay sạch sẽ" của giai cấp vô sản. Lenin đã kịch liệt chỉ trích thái độ hủ vu chủ nghĩa đó trong nội bộ Đảng cầm quyền và vững tin vào hiệu quả tổng hợp của NEP: cứu đất nước khỏi khủng hoảng, phục hồi và tăng trưởng vượt bậc LLSX, cải thiện đời sống, chuyển được liên minh công nông từ lĩnh vực chính trị quân sự sang liên minh kinh tế (trực tiếp nhờ chính sách thuế lương thực và chủ trương kinh tế hợp tác mềm dẻo tự nguyện).

Một thời gian kỷ lục (không đầy 4 năm) đã ra khỏi được một cuộc khủng hoảng hết sức nghiêm trọng, một GOELRO (kế hoạch điện khí hóa nước Nga) với sự tham gia đắc lực của 200 chuyên gia tư sản và được hoàn thành vượt mức sau đó - sự thật đó xứng đáng với ca ngợi của báo chí phương Tây là "những điều kỳ diệu

Xô Viết".

Cần đặc biệt nhấn mạnh tư tưởng Lenin về CNTB nhà nước trong tổng thể NEP như một trong những đóng góp xuất sắc nhất vào học thuyết quá độ phi tư bản mà thời gian chưa hề xóa đi giá trị lý luận và thực tiễn của nó. Tính tất yếu và tính đa dạng của "chiếc cầu dẫn" này từ sản xuất nhỏ lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN, đã được Lenin luận chứng không mệt mỏi và đầy sức thuyết phục qua hơn 50 bài viết và nói vẫn còn lưu lại ở ba tập cuối (43 - 44 - 45) trong "Lenin toàn tập". Những "di chúc chính trị" của Lenin mà người ta thường nói tới ở ba tập cuối đó không đơn giản chỉ là những vấn đề thuần túy về hệ thống chính trị, mà phải bao trùm trong đó những tư tưởng bất hủ về CNTB nhà nước nói riêng và NEP nói chung. Hơn nữa, công thức nổi tiếng của Lenin "CNTB nhà nước là kết hợp các mặt đối lập", là "kết hợp một cách nghiêm túc" hay "kết hợp một cách có nguyên tắc" cũng có thể được xem như một "di chúc chính trị - triết học" vô cùng sâu sắc để giúp những người cộng sản cầm quyền "tiêu hóa được thắng lợi của cách mạng chính trị", vận dụng sáng tạo qui luật đấu tranh giai cấp trong điều kiện mới và phép biện chứng trong các quan hệ giữa LLSX với QHSX, giữa kinh tế và chính trị...

Những bi kịch của CNXH hiện thực từ sau NEP xác nhận rằng cái chết quá sớm của Lenin kéo theo sự phủ nhận NEP kể từ 1928 là một tổn thất không gì bù đắp được. Dầu biết rằng không một vĩ nhân nào làm nên lịch sử, nhưng nhà nghiên cứu Xô Viết Buglapxki vẫn phải giả định rằng "tình hình sẽ nhẹ nhàng hơn, hiệu quả hơn và có tính người hơn" nếu Lenin sống lâu hơn cùng với NEP.

Lời biện hộ cho việc từ bỏ NEP cùng với hợp tác hóa ào ạt và CNH tiếp theo trong tổng thể mô hình "CNXH nhà nước" dưới thời Xtalin là vũ đoán với những "lý do": "bóng đen của chủ nghĩa phát xít đã hiện ở chân trời", "chỉ nhờ mô hình đó mới đảm bảo chiến thắng chủ nghĩa phát xít" và "cũng chỉ nhờ mô hình đó, Liên Xô mới khôi phục được kinh tế trong 5 năm và đã lớn mạnh vượt bậc thành một siêu cường" v.v...

Thực chất loại hình CNH cùng với hợp tác hóa ở giai đoạn này (và được lặp lại trong toàn hệ thống sau đó) đã bất chấp các qui luật kinh tế khách quan, trước hết là qui luật về sự phù hợp giữa QHSX với LLSX, và do đó, cả hệ thống các qui luật và cơ chế của hàng hóa - thị trường.

Động lực chính trị ở đây đã bị tuyệt đối hóa như một "thống soái", còn lợi ích vật chất và động lực kinh tế bị hạ xuống "hàng hai". Chế độ

công hữu tràn lan xa lạ với biện chứng giữa LLSX và QHSX, như nhận xét của một nhà nghiên cứu Xô Viết, đã biến dạng cùng thời gian thành "sở hữu của những tập đoàn và phe nhóm". Chính sự "an bài" của hệ thống công hữu xơ cứng gắn liền với một nền kinh tế hiện vật phi thị trường là phần đẻ của mọi nỗ lực nhằm đổi mới hệ thống quản lý và phân phối. Đặc quyền đặc lợi từ chỗ chỉ là "hiện tượng tiêu cực" trong hệ thống chính trị kiểu mới được "nuôi dưỡng" dẫn thành những thế lực Mafia làm xói mòn và cuối cùng phá vỡ hệ thống đó.

Trong một mô hình như vậy, cái logic mất khả năng tăng trưởng từ giữa thập niên 70: trì trệ - tiền khủng hoảng - khủng hoảng - sụp đổ là không còn khó hiểu. 70% sáng chế phát minh của Liên Xô không được áp dụng trong nước mà bán rẻ cho nước ngoài cũng là một sự thật trong logic bất hạnh đó. CNH thay vì phải được đẩy tới HDH, nhưng tiến trình đó đã bị ngăn chặn lại từ hơn một thập niên trước ngay sự đổ vỡ của mô hình CNXH - mà chiều sâu của bi kịch vẫn là "học thuyết CNH XHCN" xa lạ với biện chứng giữa LLSX và QHSX.

Loại hình CNH theo định hướng XHCN trong tổng thể chiến lược đổi mới ở VN hay cải cách - mở cửa ở Trung Quốc thực chất là trở lại với loại hình CNH thời NEP với những điều kiện mới của thế giới đương đại. Qui luật phủ định cái phủ định có thêm một bằng chứng sinh động qua những thăng trầm không tránh khỏi của gần 80 năm lịch sử CNXH hiện thực.

Nguy cơ tụt hậu ngày càng xa mà Đảng ta cảnh báo như nguy cơ số một đòi hỏi đất nước phải triển khai mạnh mẽ CNH, HDH trước hết trên cơ sở một cơ cấu sở hữu hợp qui luật gắn liền với một cơ cấu các thành phần kinh tế hợp qui luật, cũng như một cơ cấu xã hội giai cấp hợp qui luật. Các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị (Đảng, nhà nước, mặt trận...) cũng phải đổi mới nhanh chóng và đồng bộ theo tinh thần đó.

Những thành tựu đầy ấn tượng qua mười năm đổi mới chỉ là bước đầu. Cùng với thời cơ lớn, những thử thách ghê gớm phải vượt qua để hoàn thành sự nghiệp "CNH, HDH vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" "hãy còn ở phía trước".

(1) Xem Lưu Hà Vĩ "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa - nhìn từ khía cạnh gia cấp". T/C Cộng sản, số 18.1996, tr.20

(2) Mác Ăngghen: Tuyên ngôn Đảng Cộng sản. ST, H, 1976, tr.48.

(3) Xem T/C Cộng sản số 18.96 tr.20 - 26

(4) Vũ Đình Cự, T/C Cộng sản số 4.96, tr.31